



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 24/2026

(09/06/2025 – 15/06/2026)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÁ QUẢ SỬ DỤNG:

Cho đến thời điểm báo cáo, thứ Năm ngày 18/6, Mỹ và Iran đã ký thoả thuận hoà bình chấm dứt chiến sự vùng Vịnh sau hơn 3 tháng giao tranh khốc liệt. Dẫu vậy, cần lưu ý rằng đây chỉ là bước đầu, cả hai bên vẫn sẽ tiếp tục đàm phán nhiều vấn đề trọng yếu để đi đến thoả thuận cuối cùng trong thời hạn tối đa 60 ngày nữa. Nhiều thách thức vẫn đang hiện diện trước mắt và khó quay trạng thái trước chiến sự, đơn cử như việc mở cửa eo biển Hormuz sẽ được quản lý và duy trì ra sao. Nhìn chung, phía Iran tương đối thận trọng do có nhiều kinh nghiệm với việc Mỹ liên tục thay đổi quan điểm. Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI tuần qua bốc hơi tiếp 246 điểm (↓8,4%) và còn 2.670 điểm – chỉ số này đã giảm liên tiếp kể từ đầu tháng 6 đến nay. Tổng quan các chỉ số thuê tàu như sau: Duy nhất Capesize BCI suy yếu, giảm thêm 808 điểm (↓17,1%) còn 3.911 điểm – thấp nhất trong vòng 2 tháng. Trong khi đó, Panamax BPI nhích nhẹ thêm 48 điểm (↑2,1%) lên 2.266 điểm. Hai phân khúc sau ổn định và hoạt động mạnh mẽ từ sau tháng 4 và hiện tại đang thiết lập các mốc cao nhất trong vòng 3 năm 8 tháng kể từ tháng 10/2022: Supramax BSI tăng thêm 89 điểm (↑5,5%) lên 1.685 điểm. Handysize cũng tăng 45 điểm (↑5%) lên 910 điểm. Hoạt động mua bán tuần qua khá ít song giá bán đều cao, vì vậy trước các tín hiệu khả quan thì dự đoán thị trường có thể bùng nổ trong vài tuần tới. Bắt đầu với phân khúc Panamax, ghi nhận tàu **Proteas** (76.454 dwt, đóng 2005 Nhật, DD/SS 05/2027) về tay Người mua Trung Quốc với giá khoảng 12 triệu đô la Mỹ - đây sẽ là mốc tham chiếu mới cho dòng tàu 20 tuổi đóng Nhật. Sang phân khúc Supramax, tàu **African Tern** (58.342 dwt, đóng 2013 xưởng DACKS, Trung Quốc, DD/SS 06/2028) được bán với giá khoảng 19,8 triệu đô la Mỹ. Giá này khá cao và hiện tại nhìn chung giá Supramax tiếp tục xu hướng tăng. Tháng trước, tàu **Crimson Knight** (58.651 dwt, đóng 2013 xưởng DACKS, Trung Quốc, DD/SS 06/2028) được bán với giá chỉ khoảng 19,1 triệu đô la Mỹ. Tàu Supramax khác là **Santa Rita** (55.677 dwt, đóng 2010 Nhật, DD 03/2029, SS 11/2030) về tay Người mua Hy Lạp với giá khoảng 17,2 triệu đô la Mỹ - đây cũng sẽ là mốc tham chiếu cho dòng Supramax 15-16 tuổi đóng Nhật trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hoá chất, tiếp tục là một tuần lễ trầm lắng với chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tiếp tục giảm 3 điểm (↓0,14%) còn 2.075 điểm. Chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng giảm nhẹ 4 điểm (↓0,28%) còn 1.394 điểm. Hoạt động mua bán tàu tuần qua không quá nhiều, nhưng cũng có dấu hiệu nhộn nhịp trở lại và đa dạng. Ghi nhận thông tin cập tàu đóng mới **Weco Isabella** và **Weco Twigg** (49.500 dwt, đóng xưởng Penglai Zhongbai Jinglu, Trung Quốc), dự kiến sẽ bàn giao giai đoạn nửa năm 2026 này, được bán với giá khoảng 56 triệu đô la Mỹ/tàu. Mức này là cao nếu so với cập tàu **Horizon Syros** và **Horizon Andros** (50.000 dwt, đóng xưởng Zhoushan Changhong, Trung Quốc, lần lượt bàn giao tháng 12/2026 và tháng 2/2027) bán cho Người mua Danes tháng trước với giá tương ứng khoảng 50 và 51 triệu đô la Mỹ. Hoặc mới đây cũng là một cặp tàu 50k dwt **CS Houston** và **CS Singapore** (đóng mới xưởng Chengxi, Trung Quốc) cũng chỉ ghi nhận xung quanh 49,5 triệu đô la Mỹ/tàu, dự kiến bàn giao trong năm 2027. Nhìn chung, nhu cầu nâng cấp đội tàu hiện tại của các chủ tàu là tương đối lớn và cấp thiết, do đó hoạt động mua bán thanh lý tàu cũ-đóng mới sẽ diễn ra thường xuyên và bùng nổ hơn trong thời gian tới.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Charm	2003	Japan	171,014	17.40	Chinese	Old sale and delivered, DD/SS 05/2028
Ocean Artemis	2011	China	93,103	15.00	Undisclosed	DD/SS due 09/2026
Vulcania	2015	China	82,036	25.20	Chinese	TC attached until Q1/2027, eco M/E, DD 08/2028, SS 08/2030
Proteas	2005	Japan	76,454	12.00	Chinese	DD/SS 05/2027
African Tern	2013	DACKS, China	58,342	19.80	Undisclosed	DD/SS 06/2028
Breeze	2009	China	56,686	Undisclosed	Undisclosed	Old sale and delivered, DD 02/2028, SS 12/2029
Santa Rita	2010	Japan	55,677	17.20	Greek	DD 03/2029, SS 11/2030, Japanese owners
Grace Bali	2002	Tsuneishi Cebu, Philippines	52,641	Undisclosed	Undisclosed	DD 08/2028, SS 09/2030
Poyang	2016	China	39,790	19.40	Undisclosed	Log-fitted, M/E RT-flex (Wartsila), DD/SS due 07/2026
Sider Harmony	2020	Tsuneishi Cebu, Philippines	38,581	28.50	Undisclosed	Old sale and delivered, log-fitted, eco M/E, DD 09/2028, SS 09/2030
TANKERS						
Success Fortune XL	2003	Korea	298,555	Undisclosed	Undisclosed	Old sale and delivered
Brugge	2023	Korea	157,138	110.00	Undisclosed	Scrubber fitted, eco M/E, DD due 07/2026, SS 07/2028
Brest	2023	Korea	157,071	110.00		Scrubber fitted, eco M/E, DD due 10/2026, SS 10/2028
Seamusic	2009	China	112,922	53.10	Undisclosed	DD due 09/2026, SS 06/2028
Samos	2010	Japan	104,649	44.50	Undisclosed	DD 07/2028, SS 09/2030
Nave Ariadne	2007	Korea	74,875	22.50	Undisclosed	DD/SS 05/2027
Cape Tempest	2008	China	73,721	43.50	Undisclosed	DD/SS passed 06/2026, next DD/SS 03/2028
Cape Taura	2007	China	73,634			DD/SS passed 05/2026, next DD/SS 06/2028
Weco Isabella	2026	China	49,500	56.00	Undisclosed	Dely SH 2026
Weco Twiggy	2026	China	49,500	56.00		Dely 08/2026

CONTAINERS

Log-In Resiliente	2006	Poland	38,600	23.50	Undisclosed	BBCD, 2711 teu, reefers 500 teu, DD/SS passed 04/2026, next 03/2031, SS 06/2029
Sheng Da Heng Qiang	2024	China	37,113	51.00	Undisclosed	2680 teu, reefers 400 teu, ice class II, eco M/E, DD 12/2027, SS 12/2029
Marina L	2009	China	17,695	Undisclosed	Undisclosed	1368 teu, reefers 258 teu, ice class 1A, DD 06/2027, SS 06/2029
Theodor	2006	China	17,184	Undisclosed	Undisclosed	1402 teu, reefers 250 teu, ice class 1A, DD/SS due 12/2026
Samskip Toubkal	2012	China	13,147	14.00	Boluda Lines	1036 teu, reefers 250 teu, ice class 1A, DD/SS 01/2027

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	05/2026	1M	3M	6M	12M			05/2026	1M	3M	6M	12M	
CAPESIZE							VLCC						
180k dwt Resale	81.50	1%	1%	4%	7%	64.50	310k dwt Resale	175.00	0%	9%	18%	21%	122.75
180k dwt 5 tuổi	71.00	1%	4%	8%	13%	49.75	310k dwt 5 tuổi	145.00	4%	12%	23%	26%	94.75
170k dwt 10 tuổi	55.00	1%	5%	10%	22%	35.25	250k dwt 10 tuổi	115.00	5%	10%	31%	35%	69.00
150k dwt 15 tuổi	36.50	0%	6%	26%	35%	22.50	250k dwt 15 tuổi	80.00	0%	7%	36%	38%	49.25
PANAMAX							SUEZMAX						
82k dwt Resale	43.00	1%	5%	9%	12%	38.25	160k dwt Resale	115.00	6%	13%	18%	22%	83.25
82k dwt 5 tuổi	38.00	3%	12%	17%	22%	31.75	150k dwt 5 tuổi	95.00	8%	13%	19%	23%	65.50
76k dwt 10 tuổi	29.00	2%	5%	12%	20%	23.00	150k dwt 10 tuổi	80.00	13%	16%	25%	29%	50.00
74k dwt 15 tuổi	20.25	1%	8%	19%	33%	15.25	150k dwt 15 tuổi	51.00	13%	19%	21%	24%	32.75
SUPRAMAX							AFRAMAX						
62k dwt Resale	43.00	2%	4%	12%	13%	36.50	110k dwt Resale	92.50	3%	9%	16%	23%	69.75
58k dwt 5 tuổi	38.00	3%	9%	19%	25%	28.50	110k dwt 5 tuổi	80.00	3%	10%	19%	28%	56.00
56k dwt 10 tuổi	28.00	0%	4%	14%	22%	20.75	105k dwt 10 tuổi	70.00	8%	17%	27%	40%	42.75
52k dwt 15 tuổi	17.50	0%	11%	11%	17%	14.00	105k dwt 15 tuổi	45.00	7%	18%	25%	32%	28.75
HANDYSIZE							MR						
37k dwt Resale	36.00	0%	4%	9%	9%	30.50	52k dwt Resale	61.00	3%	11%	15%	22%	47.00
37k dwt 5 tuổi	29.75	1%	8%	12%	19%	24.25	52k dwt 5 tuổi	51.00	4%	13%	19%	28%	37.75
32k dwt 10 tuổi	23.00	0%	12%	14%	26%	16.75	45k dwt 10 tuổi	41.00	5%	17%	24%	37%	28.00
28k dwt 15 tuổi	13.00	4%	4%	11%	8%	10.50	45k dwt 15 tuổi	29.00	7%	16%	53%	57%	19.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	252.20	1	Samsung	Purus Marine	Jan 2029	

Tankers	115,000 dwt	73.50	4+2	Hantong	J.P.Morgan	2028	Price per unit
Tankers	114,000 dwt	-	2	Taizhou JianXing Heavy Industry	Pingtang Minghui Shipping, Fujian	Q4 2028	
Tankers	50,000 dwt	Low mid 50.00	4	Hyundai Mipo	Thenamaris (2), Metrostar (2)	SH 2028	Price per unit
Bulkers	211,000 dwt	75.00	4	Panjin Dajin Offshore Engineering	Seatankers	SH2028-2029	Price per unit
Bulkers	181,000 dwt	-	2	Hengli	Cape Shipping	Q2 2028	
Bulkers	82,000 dwt	-	2	New Dayang	Iolcos Maritime	2029	
Bulkers	64,500 dwt	-	4+2	Yangfan	Zhejiang Yonghang	-	
MPP	62,000 dwt	2	4	Nantong Xiangyu	Fujian Shipping	-	
Containers	6,000 teu	80.00	8	Hengli H.I.	CMA CGM	SH 2028	Price per unit
RORO	1,380 ceu	-	4	China Merchants Jinling	K-Line	2028	Ice class 1A, dual fuel

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	05/2026	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	71.5	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
Panamax (77.000 dwt)	37.5	2.74%	2.74%	2.74%	1.35%
Supramax (61.000 dwt)	34.5	2.99%	2.99%	2.99%	1.47%
Handysize (37.000 dwt)	31.0	5.08%	5.08%	5.08%	3.33%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	05/2026	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	130.0	0.00%	1.56%	1.56%	1.56%
Suezmax (170.000 dwt)	89.0	0.00%	3.49%	3.49%	3.49%
A.max (115.000 dwt)	74.0	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
MR (56.000 dwt)	50.5	0.00%	-2.88%	-2.88%	-2.88%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 20.756 đô la Mỹ, tăng 689 đô la Mỹ so với mức 20.067 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường đã có một tuần rất tích cực, với khu vực Đại Tây Dương dẫn đầu đà tăng khi nhu cầu mạnh mẽ quay trở lại từ Vịnh Mỹ tiếp tục thúc đẩy tâm lý thị trường. Các chuyên tàu xuyên Đại Tây Dương hiện đang chốt hợp đồng ở mức khoảng 30.000 đô la Mỹ và các chuyên hàng front-haul thậm chí còn cao hơn. Khu vực Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương cũng mạnh lên khi nhu cầu hỏi thuê cải thiện và hoạt động hàng hóa quay trở lại trên các tuyến đường chính. Động lực thị trường đang hoàn toàn đứng về phía chủ tàu, với tất cả các tuyến đường chính đều ghi nhận mức tăng trưởng vào cuối tuần. Với việc thị trường đang đạt phong độ ấn tượng mà Thomas Tuchel cũng sẵn sàng bỏ ra một khoản tiền lớn để có được, hoạt động thuê tàu định hạn (period activity) vẫn tiếp diễn, khi các chủ tàu cảm thấy đây là thời điểm thích hợp để phòng ngừa rủi ro cho vị thế của mình một cách khôn ngoan. Tại Viễn Đông, các tàu Ultramax hiện đại tiết kiệm nhiên liệu có thể kỳ vọng đạt mức cước thoải mái trên 20.000 đô la Mỹ cho các hợp đồng thuê định hạn dưới một năm.

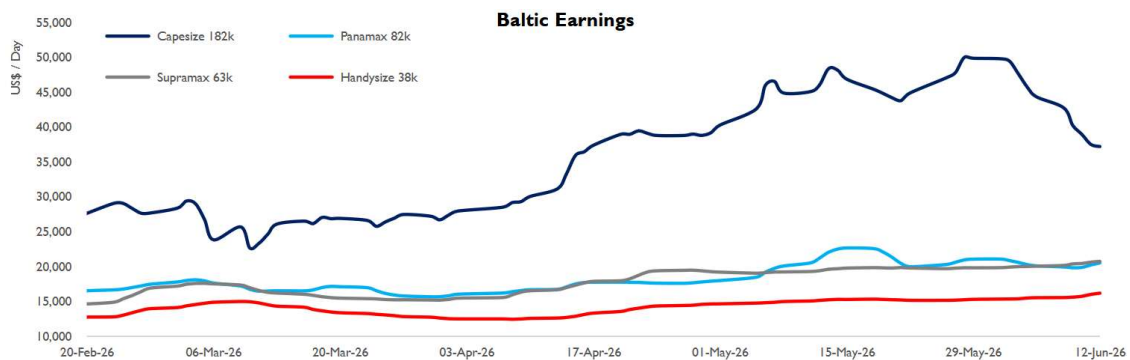
Chỉ số cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 16.195 đô la Mỹ, tăng 649 đô la Mỹ so với mức 15.546 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường đã hình thành một sự phân cực giữa hai lưu vực. Hiện đã

rõ ràng rằng khu vực Thái Bình Dương đang chiếm ưu thế, với mức giá cước thuê định hạn trung bình đạt khoảng 18.000 đô la Mỹ so với khoảng 14.000 đô la Mỹ ở Đại Tây Dương tính đến thứ Sáu. Thị trường Đại Tây Dương vẫn ở trạng thái giằng co, với một số khu vực giá cước tăng lên, nhưng cũng tồn tại những nơi có nhu cầu đi ngang và dư thừa nguồn cung. Ngược lại, thị trường Thái Bình Dương một lần nữa vững chắc hơn, được hỗ trợ bởi sự cân bằng cung - cầu chặt chẽ hơn. Hoạt động giao dịch đã tăng lên đáng kể, với nhiều hợp đồng được chốt ở mức giá cao hơn các mốc tham chiếu trước đó. Nhu cầu mạnh mẽ từ Úc và làn sóng yêu cầu thuê tàu mới từ các nhà vận hành lớn (blue chip operators) đã thúc đẩy các yêu cầu thêm nữa. Đối với những chủ tàu vẫn sẵn sàng đưa tàu hướng về phía Vịnh Ả Rập nhưng không đi qua đó, đã có hai hợp đồng được ghi nhận ở mức khoảng từ 30.000 đô la Mỹ trở lên. Một tàu 39.000 dwt trống tại Bắc Trung Quốc đã được chốt cho chuyến đi đến Oman với giá khoảng 30.000 đô la Mỹ.

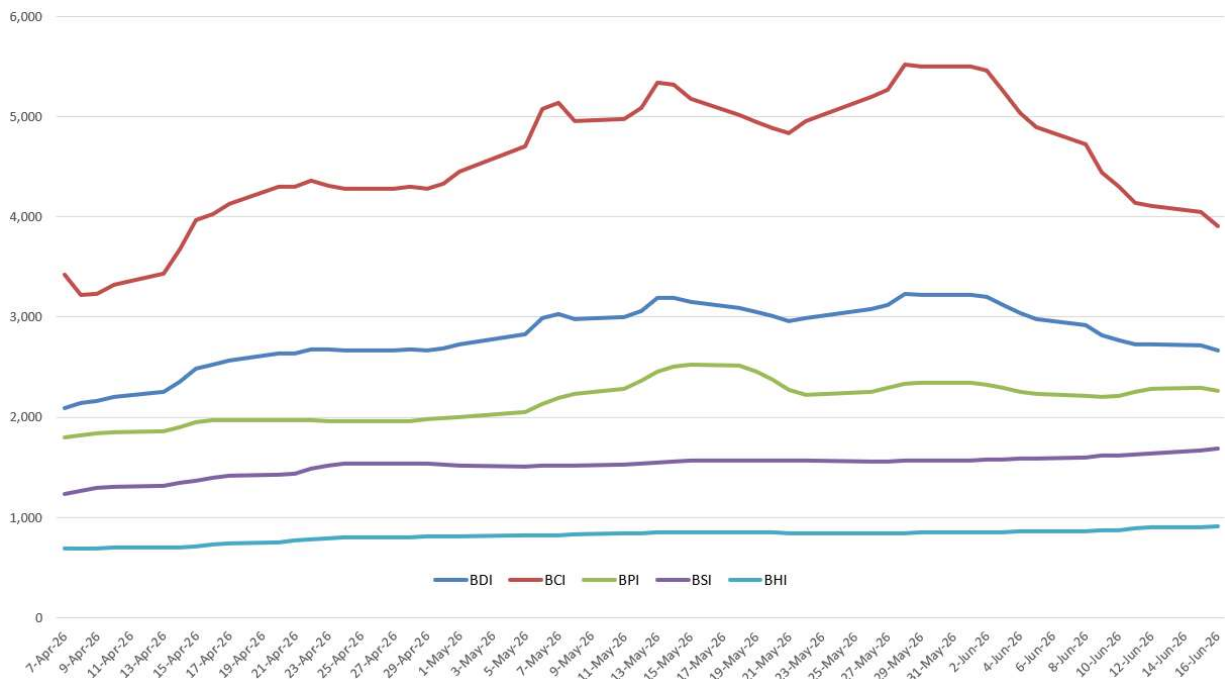
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 15/06/2026

	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	18.722	▲	689
HANDIES 38K	16.195	▲	649

(so sánh với giá trị ngày 08/06/2026)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Giá dầu giảm xuống mức thấp nhất trong ba tháng vào ngày thứ Hai sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump và Thứ trưởng Ngoại giao Iran tuyên bố đã đạt được một thỏa thuận sơ bộ nhằm chấm dứt cuộc chiến và khôi phục hoạt động hàng hải qua eo biển Hormuz. Tại thời điểm báo cáo, hợp đồng dầu Brent giảm 4,16 đô la Mỹ, tương đương 4,8%, xuống còn 83,17 đô la Mỹ/thùng, trong khi dầu thô WTI của Mỹ giảm 4,39 đô la Mỹ, tương đương 5,2%, xuống còn 80,49 đô la Mỹ/thùng. Hãng thông tấn bán chính thức Mehr của Iran cho biết dự thảo thỏa thuận quy định eo biển Hormuz sẽ được mở lại trong vòng 30 ngày dưới sự điều phối của Iran.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	<p>Thị trường Trung Đông duy trì trạng thái trầm lắng khi các kỳ nghỉ lễ trong khu vực làm chậm hoạt động giao dịch. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị leo thang cùng với yêu cầu áp dụng phụ phí an toàn từ phía chủ tàu đã phần nào hạn chế áp lực giảm giá cước. Theo ghi nhận, cước chờ 270.000 tấn từ Trung Đông đi Trung Quốc vẫn duy trì tương đương tuần trước, quanh ngưỡng WS400. Theo dự báo, lịch tàu đầu kỳ đang dần thu hẹp tại cả hai bán cầu, cho thấy khả năng thị trường sẽ bước vào giai đoạn tăng cước trong thời gian tới.</p>										
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	401.106	405.767	↑	USG/Trung Quốc	84.874	93.210
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước								
Trung Đông/ Trung Quốc	401.106	405.767	↑								
USG/Trung Quốc	84.874	93.210	↑								
Phân khúc tàu Suezmax	<p>Thị trường Tây Phi ghi nhận mức tăng nhẹ khi lượng tàu dư thừa tích lũy từ tuần trước đã được ký kết, khiến cước trên tuyến Nigeria/UKC ổn định quanh mức WS158. Mặc dù xuất hiện một số giao dịch riêng lẻ ngoài thị trường công khai, giúp thu hẹp danh sách tàu sẵn có trong giai đoạn đầu tháng, nguồn cung tàu vẫn ở mức tương đối dồi dào cùng với chi phí nhiên liệu cao đã hạn chế khả năng đẩy cước tăng mạnh của các chủ tàu. Tại khu vực Biển Đen, tuyến TD6 (CPC/Augusta) kết thúc tuần ở khoảng mức WS215, phản ánh thị trường nhìn chung duy trì ổn định trong bối cảnh hoạt động giao dịch không có nhiều biến động đáng kể.</p>										
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	55.957	63.200	↑	USG / UKC	53.196	63.138
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước								
Tây Phi / Cont	55.957	63.200	↑								
USG / UKC	53.196	63.138	↑								

Phân khúc tàu Aframax	Phân khúc tàu Aframax ghi nhận xu hướng suy yếu đáng kể trong tuần qua do động lực nhu cầu vận chuyển tạm thời chững lại. Tại khu vực Địa Trung Hải, nguồn cung dư thừa từ các tàu vốn ưu tiên chờ hàng sạch nhưng tham gia thị trường hàng dầu đen đã tạo thêm áp lực cạnh tranh, kéo các chỉ số cước liên khu vực giảm khoảng 25 điểm. Trong bối cảnh đó, các chủ tàu đang nỗ lực bảo vệ mặt bằng cước hiện tại và ngăn chặn các đợt điều chỉnh giảm sâu hơn. Kết thúc tuần, cước chở 80.000 tấn trên tuyến Ceyhan–Lavera được ghi nhận ở mức khoảng WS203, phản ánh tâm lý thị trường vẫn còn yếu khi lượng hàng hóa phát sinh chưa đủ để hấp thụ nguồn cung tàu đang hiện hữu trên thị trường.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	UKC / UKC	47.689	44.170	↓
	Med / Med	67.217	53.619	↓
	USG / Cont	63.683	34.509	↓
Caribs / USG	69.044	32.276	↓	

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR/Handy**: Thị trường tàu MR tại khu vực Tây Bắc Âu trải qua một tuần với diễn biến phân hóa rõ nét. Giai đoạn đầu tuần ghi nhận hoạt động sôi động khi các tàu sẵn sàng sớm hơn được ký kết, trong khi một số tàu lựa chọn chạy rộng sang thị khu vực USG do cước trên tuyến TC14 (USG/UKC) đang có diễn biến tích cực. Tuy nhiên, đà giao dịch dần chững lại khi bước sang nửa cuối tuần. Tuyến TC2 (Cont/USAC) duy trì ổn định trong khoảng WS140–145, tùy thuộc vào các điều khoản lựa chọn của chuyến hàng. Chênh lệch cước giữa tuyến đi Tây Phi và TC2 tiếp tục thu hẹp, với tuyến ARA/WAFR hiện được giao dịch quanh WS200. Tuy nhiên, sau khi cước trên tuyến TC14 điều chỉnh giảm đáng kể vào giữa tuần, đã ghi nhận ba tàu đang trên hành trình chạy rộng tới khu vực USG thì quay đầu trở lại. Các tàu này hiện đang tìm kiếm việc làm tại khu vực Tây Bắc Âu hoặc Địa Trung Hải, phản ánh tác động từ đợt điều chỉnh mạnh và tâm lý thị trường suy yếu tại USG. Tại khu vực Địa Trung Hải, thị trường tàu MR nhìn chung duy trì ổn định. Tuyến Med–TA được giao dịch xuyên suốt tuần ở mức WS145. Các tuyến UKC và Med ghi nhận mức tăng ban đầu, lần lượt đạt WS180 và WS200, tương ứng tăng 10 và 30 điểm so với tuần trước. Mặc dù các chủ tàu vẫn đang thử nghiệm mức cước cao hơn thị trường hiện tại, chưa có dấu hiệu cho thấy mặt bằng giá đã thực sự dịch chuyển lên một ngưỡng mới. Bước sang tuần tới, nguồn cung tàu được dự báo vẫn ở mức tương đối dồi dào. Các vị trí tàu có sẵn sớm hiện đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm hàng hóa phù hợp, đồng thời sẽ phải cạnh tranh với lượng tàu mới cho các đơn hàng cuối tháng. Trong bối cảnh đó, áp lực lên phía chủ tàu có thể gia tăng ngay từ đầu tuần nếu nhu cầu vận chuyển không cải thiện tương ứng.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Cước vận chuyển xuất phát từ Houston đồng loạt suy yếu trong tuần qua. Mặc dù nhu cầu hồi phục có cải thiện nhẹ vào cuối tuần trước và một số lô hàng đã được chốt với các tàu J19 mở sớm ở mức cước cạnh tranh, hoạt động thị trường nhìn chung vẫn khá trầm lắng trong tuần này do ảnh hưởng từ Hội nghị Bergen Shipping. Số lượng hàng hóa xuất hiện trên thị trường hạn chế, trong khi thị trường vận chuyển sản phẩm dầu sạch cũng ghi nhận mức độ giao dịch thấp hơn. Bước sang tuần tới, cước vận tải có thể tiếp tục chịu áp lực giảm nếu không xuất hiện thêm các yêu cầu vận chuyển mới. Tại khu vực châu Á, cước vận tải cũng duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường vận chuyển nhiên liệu sinh học tương đối trầm lắng, với số lượng giao dịch mới được ghi nhận rất hạn chế. Phần lớn các lô hàng còn lại trên thị trường hiện hướng tới

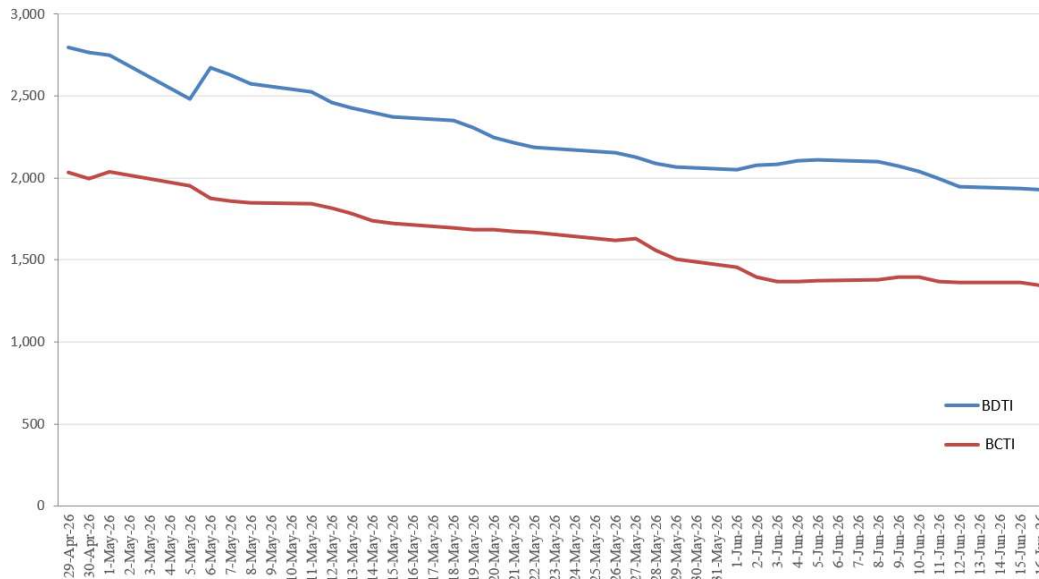
thời gian xếp hàng từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7. Do hoạt động giao dịch thấp, mặt bằng cước hiện vẫn chưa được kiểm chứng bởi thị trường. Ở phân khúc hàng lẻ, hoạt động duy trì tương đối ổn định. Một số nhu cầu vận chuyển FAME và UCO vẫn đang được lưu hành trên thị trường, góp phần duy trì ổn định cho các chủ tàu.

Đối với các tuyến vận chuyển dầu đậu nành và dầu cọ, mặt bằng cước không ghi nhận thay đổi đáng kể. Mức TCE với dầu cọ tiếp tục được giữ nguyên. Mặc dù thị trường CPP tại khu vực phía Đông đã có dấu hiệu suy yếu trong những ngày gần đây, diễn biến này hiện vẫn chưa đủ mạnh để tạo ra sự điều chỉnh đối với các mức cước tham chiếu hiện hành.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 24/2026			Giá thuê tàu định hạn tuần 23/2026		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	111,000	65,000	52,000	116,000	64,000	53,000
SUEZMAX	66,000	45,000	36,000	66,000	45,000	36,000
AFRAMAX	59,000	38,000	31,500	60,000	38,000	31,500
LR-2	58,000	38,000	31,500	59,000	37,000	31,500
LR-1	36,000	27,500	22,000	37,000	27,500	22,000
MR	29,000	23,000	19,500	30,000	23,000	19,500
HANDY	26,500	20,000	18,000	27,000	20,500	18,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	445-450		465-470		475-480	
2	Bangladesh	460-465		480-485		490-495	
3	India	415-420		435-440		445-450	
4	Turkey	268-270		278-280		288-290	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

KHÔNG GHI NHẬN TÀU PHÁ DỠ TRONG TUẦN 24/2026

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn (S&P) | opn@pioneershipbrokers.com (chartering)

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên